

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/KDTM-PT

Ngày: 17 - 6 - 2020

*V/v tranh chấp về hợp đồng kinh doanh  
thương mại mua bán hàng hóa.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*

Ông Bùi Hữu Nhân

*Các Thẩm phán:*

Bà Lê Thị Vân

Ông Nguyễn Văn Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Mai - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:** Bà Nguyễn Thị Minh Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 07/2020/TLPT-KDTM ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại mua bán hàng hóa*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 127/2020/QĐ-PT ngày 07/5/2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 144/2020/QĐ-PT ngày 28/5/2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty cổ phần I; địa chỉ trụ sở: 02 xa lộ T, phường H, quận T, Thành phố H.

*Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:*

Chị Hồ Thị Mỹ Y, sinh năm: 1996; chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần I; địa chỉ: 02 xa lộ T, phường H, quận T, Thành phố H. Có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

Bà Trương Thị Hồng H, sinh năm: 1975; địa chỉ: 194 L, thị trấn C, huyện C, tỉnh L. Có mặt.

Văn bản ủy quyền ngày 10/6/2020.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1965; địa chỉ: 285 T, phường L, thành phố B, tỉnh L. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hồ Sỹ P, sinh năm: 1968; địa chỉ: 285 T, phường L, thành phố B, tỉnh L. Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1965; địa chỉ: 285 T, phường L, thành phố B, tỉnh L. Có mặt.

Văn bản ủy quyền ngày 16/6/2020.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Bà Nguyễn Thị N.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo bản án sơ thẩm,*

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Công ty cổ phần I do chị Hồ Thị Mỹ Y là người đại diện theo pháp luật trình bày:*

Ngày 01/3/2012, Công ty cổ phần I (viết tắt là Công ty I) ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 106/HĐMB12 với Công ty trách nhiệm hữu hạn L.PH (viết tắt là Công ty L.PH), người đại diện theo pháp luật là ông Hồ Sỹ P, mục đích mua bán các sản phẩm do Công ty I sản xuất như: Bột trét tường, sơn nước, sơn chống thấm ... với số lượng hàng theo đơn hàng của Công ty L.PH, giá thì tùy vào từng thời điểm bên đặt hàng.

Năm 2012, Công ty L.PH giải thể, chuyển từ Công ty L.PH thành hộ kinh doanh mang tên cửa hàng Văn Nguyên, người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị N. Ông P, bà N vẫn tiếp tục thực hiện việc mua bán hàng hóa theo hợp đồng số: 106/HĐMB12 ngày 01/3/2012 với Công ty I.

Đến ngày 26/01/2015, hai bên mua bán hàng hóa và đối chiếu sổ sách thì bà N, Ông P còn nợ Công ty I số tiền 349.811.045 đồng, hàng năm hai bên vẫn ký xác nhận nợ theo đúng hợp đồng đã ký kết và bà N, Ông P vẫn thực hiện việc trả nợ dần cho Công ty I.

Năm 2017, ông Nguyễn Ngọc Tgiám đốc trước đây của Công ty I có lên đòi nợ bà N; ngày 03/3/2017, bà N ký xác nhận còn nợ Công ty I số tiền 264.811.045 đồng. Ngày 03/3/2017 đến ngày 11/9/2018 bà N, Ông P trả nợ cho Công ty I bằng hình thức chuyển khoản được 66.500.000 đồng, trả cho ông Nguyễn Ngọc T số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 11/9/2018. Công ty I trừ tiền khuyến mãi cho bà N 1.760.000 đồng. Hiện tại bà N, Ông P còn nợ Công ty I 186.551.000 đồng. Công ty I đã đòi nhiều lần nhưng Ông P, bà N không thanh toán.

Do Ông P, bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty I yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông P, bà N có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc 186.551.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận là 0,7%/tháng của số tiền chậm trả kể từ ngày 11/9/2018 đến hết ngày 30/11/2019 là 13 tháng 19 ngày; Công ty I tính tròn là 13

tháng là 16.976.000 đồng. Tổng nợ gốc và lãi là 203.527.000 đồng. Công ty rút một phần yêu cầu tính lãi suất trước đây là 24.811.000 đồng đối với Ông P, bà N.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Sỹ P trình bày:*

Năm 2012, bà và Ông P có thành lập Công ty L.PH, người đại diện theo pháp luật là Ông P, mục đích thành lập công ty để kinh doanh trong việc mua bán các mặt hàng xây dựng như bột trét tường, sơn ... và thi công các công trình. Ngày 01/3/2012, giữa Công ty L.PH có ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty I như lời trình bày của Công ty I là đúng.

Năm 2012, vì làm ăn khó khăn nên Công ty L.PH giải thể, chuyển từ Công ty L.PH thành hộ kinh doanh mang tên cửa hàng Văn Nguyên cũng do ông bà làm chủ, ông bà vẫn tiếp tục thực hiện việc mua bán hàng hóa theo hợp đồng số: 106/HĐMB 12 với Công ty I.

Ông bà thống nhất với lời trình bày của Công ty I về số nợ, số tiền đã thanh toán, số tiền còn nợ lại. Tuy nhiên, trong thời gian ông bà còn nợ Công ty I số tiền 186.551.000 đồng thì Công ty I đã nhờ giảng hồ đòi nợ và ông bà đã trả nợ tổng cộng 4 lần tiền mặt là 32.000.000 đồng nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Trong quá trình làm ăn Công ty I thống nhất cho ông bà làm 3 bảng hiệu và ông bà đã trả tiền làm bảng hiệu hết 25.000.000 đồng, nhưng sau đó Công ty I không cản trừ tiền làm bảng hiệu vào công nợ, việc làm bảng hiệu chỉ trao đổi bằng miệng với nhau chứ không có tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Trong quá trình mua bán hàng hóa, ông bà đã thông báo cho Công ty I về các trường hợp bị hư hỏng do vật liệu kém chất lượng và được Công ty I chấp thuận bằng miệng với ông bà và ông bà đã trả tiền mua vật liệu đến bù những sản phẩm hư hỏng thay cho Công ty I nhưng Công ty I cũng không cản trừ số tiền này vào công nợ cho ông bà. Cụ thể tiền bồi thường thiệt hại cho công trình bị hư hỏng là nhà Thợ H40.500.000 đồng, nhà ông H17.600.000 đồng, nhà Đ4.400.000 đồng, nhà cô L3.600.000 đồng, nhà chú Q3.400.000 đồng và tiền hàng còn hư hỏng là 850.045 đồng.

Do các bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau, các chứng cứ trả tiền mặt bà không còn lưu nên không cung cấp được cho Tòa án. Đối chiếu với việc ông bà trả nợ, làm bảng hiệu, công trình hư hỏng đều không có giấy tờ chứng minh. Hiện ông bà chỉ còn nợ Công ty I 70.961.000 đồng. Nay Công ty I yêu cầu ông bà trả số tiền nợ gốc 186.551.000 đồng và lãi suất 16.976.000 đồng thì ông bà chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc 70.961.000 đồng và lãi suất phát sinh 0,7%/tháng trong 13 tháng đối với số tiền nợ gốc 70.961.000 đồng. Bà yêu cầu Công ty I phải trừ các khoản tiền thiệt hại như bà đã trình bày nêu trên.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 01/2020/TB-SCBSBA ngày 30/01/2010 đã xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty cổ phần I.

Buộc bà Nguyễn Thị N, ông Hồ Sỹ P có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần I số tiền 203.527.000 đồng, trong đó nợ gốc là 186.551.000 đồng, lãi suất là 16.976.000 đồng.

2/. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự đối với một phần yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn Công ty cổ phần I đòi bị đơn bà Nguyễn Thị N và ông Hồ Sỹ P phải thanh toán số tiền 24.811.000 đồng.

Ngoài ra, quyết định của bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 23/01/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị N kháng cáo đối với toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc. Bà N đề nghị bác một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty I Việt Nam, bà N chỉ đồng ý trả cho Công ty I số tiền còn nợ gốc 70.961.000 đồng và lãi 0,7%/tháng kể từ ngày 11/8/2018 đối với số tiền nợ gốc.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị chấp nhận kháng cáo. Về phía nguyên đơn Công ty cổ phần I (do chị Yến là người đại diện theo pháp luật và bà Hoa là người đại diện theo ủy quyền) không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà N, đề nghị giải quyết như bản án sơ thẩm. Về phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông P không kháng cáo và đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự phúc thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà N; giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn bà N thì: Các bên đương sự đều thừa nhận vào ngày 01/3/2012 giữa Công ty cổ phần I (do Phó Giám đốc Đinh Phú Thiện là người đại diện) và Công ty trách nhiệm hữu hạn L.PH (Cửa hàng Vân Nguyên) (do Giám đốc Hồ Sỹ P là người đại diện) có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số LD106/HĐMB12 để tiến hành mua bán hàng hóa là bột trét tường, sơn nước, sơn chống thấm, sơn bóng trong suốt, sơn Alkyd.... (bút lục số 9-10).

[2] Trong quá trình mua bán hàng hóa thì hai bên có tiến hành việc giao nhận hàng hóa và thanh quyết toán công nợ với nhau, tính đến ngày 03/3/2017 thì bà N, Ông P còn nợ Công ty I số tiền 264.811.045 đồng, phù hợp với phiếu xác nhận công nợ ngày 03/3/2017 (bút lục số 12) thể hiện: Bà Nguyễn Thị N có xác nhận

nợ của Công ty cổ phần I số tiền 264.811.045 đồng và cam kết mỗi tháng vào ngày 30 sẽ trả cho Công ty I 10.000.000 đồng cùng với 0,7% hàng tháng lãi suất.

[3] Các bên đương sự đều thừa nhận từ ngày 03/3/2017 đến ngày 11/9/2018 thì bà N, Ông P đã trả cho Công ty I được số tiền 76.500.000 đồng và được trừ tiền khuyến mãi là 1.760.000 đồng, còn nợ lại số tiền 186.551.000 đồng.

[4] Tuy nhiên, bị đơn bà N cho rằng Công ty I đã nhờ giảng hồ đòi nợ và ông bà đã trả nợ tổng cộng 4 lần tiền mặt là 32.000.000 đồng, tiền làm bằng hiệu hết 25.000.000 đồng, bồi thường thiệt hại cho công trình bị hư hỏng là nhà Thợ H40.500.000 đồng, nhà ông H17.600.000 đồng, nhà Đ4.400.000 đồng, nhà cô L3.600.000 đồng, nhà chú Q3.400.000 đồng và tiền hàng còn hư hỏng là 850.045 đồng; với tổng cộng số tiền là 127.350.045 đồng nên ông bà đề nghị được căn trừ vào số tiền còn nợ và chỉ đồng ý thanh toán cho Công ty I số tiền nợ gốc 70.961.000 đồng và lãi suất 0,7%/tháng tính tròn 13 tháng. Bà N, Ông P đề nghị căn trừ số tiền 127.350.045 đồng vào số tiền nợ gốc nhưng bà N, Ông P không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, trong khi đó chị Yến lại không thừa nhận nên không có căn cứ để khấu trừ số tiền 127.350.045 đồng vào số tiền nợ gốc theo như yêu cầu của bà N, Ông P.

[5] Về lãi suất: Theo quy định của Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định mức lãi suất trung bình là 1,33%/tháng là có căn cứ và đúng pháp luật. Tuy nhiên, do các đương sự thống nhất thỏa thuận mức lãi suất là 0,7%/tháng nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định mức lãi suất được áp dụng trong trường hợp này là 0,7%/tháng là phù hợp với sự thỏa thuận của các đương sự.

[6] Ngoài ra, nguyên đơn Công ty I còn yêu cầu bà N, Ông P trả số tiền lãi là 41.787.000 đồng nhưng tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 24.811.000 đồng và chỉ yêu cầu bà N, Ông P trả số tiền lãi là 16.976.000 đồng nên việc Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với yêu cầu khởi kiện liên quan đến số tiền lãi 24.811.000 đồng là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[7] Với những phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty I và buộc bà Nguyễn Thị N, ông Hồ Sỹ P có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần I số tiền 203.527.000 đồng, trong đó nợ gốc là 186.551.000 đồng, lãi suất là 16.976.000 đồng là có căn cứ.

Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Nphải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 14/01/2020 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 01/2020/TB-SCBSBA ngày 30/01/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Về việc “*Tranh chấp về hợp đồng kinh doanh thương mại mua bán hàng hóa*” giữa nguyên đơn Công ty cổ phần I; bị đơn bà Nguyễn Thị N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Sỹ P. Xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần I.

2/. Buộc bà Nguyễn Thị N, ông Hồ Sỹ P có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần I số tiền 203.527.000 đồng (Hai trăm lẻ ba triệu, năm trăm hai mươi bảy ngàn đồng); trong đó nợ gốc là 186.551.000 đồng, lãi suất là 16.976.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, theo quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3/. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn Công ty cổ phần I về việc buộc Ông P, bà Nphải thanh toán số tiền lãi 24.811.000 đồng.

4/. Về án phí kinh doanh thương mại (sơ thẩm và phúc thẩm):

Buộc bà Nguyễn Thị N, ông Hồ Sỹ P phải chịu 10.176.300 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần I (chị Hồ Thị Mỹ Y là người đại diện theo pháp luật) 5.998.000 đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0016383 ngày 08/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng bà Nđã tạm nộp theo biên lai thu số 0016596 ngày 14/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự (05);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Bùi Hữu Nhân**